CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Công ty con

- Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE thành lập ngày 05/06/2012 với vốn điều lệ 13.500.000.000 đồng do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH MTV Thương mại HBE thành lập ngày 13/11/2012 với vốn điều lệ 4.500.000.000 đồng do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thương mại HBE đã chính thức giải thể từ ngày 10/07/2015 theo Thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế tại thời điểm 30/06/2015: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 039.3859708
- Fax: (84) 039.3892839
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối ngày 30/06/2015 là 30 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Hoàng Lê Bách	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/09/2014
• Ông Đồng Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/08/2014
• Ông Lê Anh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/08/2014
• Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/08/2014
• Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2015
• Ông Hồ Phương Nam	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 22/08/2014 Miễn nhiệm ngày 05/04/2015

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014
• Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014
• Bà Đào Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2014

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Trần Thị Thu Hà	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Hồ Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/02/2015
• Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014
	Kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà
Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 896/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 20/08/2015 của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và qui định về trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính hợp nhất có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Một số khoản nợ phải thu 540.208.647 đồng, nợ phải trả 696.465.576 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 30/06/2015. Hạn chế này, Kiểm toán viên không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do hạn chế từ phía Công ty. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:1324-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**9.088.950.216**	**6.862.163.194**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**1.350.004.371**	**1.770.543.492**
1.	Tiền	111	5	1.350.004.371	1.770.543.492
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**2.596.600.889**	**2.332.545.630**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.220.705.475	3.013.323.240
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	53.805.614	105.619.942
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8a	1.046.611.006	960.161.006
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	272.993.390	278.779.567
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.005.760.996)	(2.025.338.125)
6.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	8.246.400	
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**12**	**4.940.065.220**	**2.488.783.195**
1.	Hàng tồn kho	141		4.948.622.094	2.499.293.852
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.556.874)	(10.510.657)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**202.279.736**	**270.290.877**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	95.451.476	108.781.137
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		60.707.815	115.389.295
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	46.120.445	46.120.445
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**19.288.842.677**	**19.988.393.339**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**531.195.500**	**730.102.500**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	8b	531.195.500	730.102.500
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**17.869.116.088**	**18.503.740.596**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	14	17.153.912.088	17.788.536.596
	- Nguyên giá	222		21.839.962.528	22.092.910.028
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.686.050.440)	(4.304.373.432)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	15	715.204.000	715.204.000
	- Nguyên giá	228		747.204.000	747.204.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**43.499.100**	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		43.499.100	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**845.031.989**	**754.550.243**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	845.031.989	754.550.243
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**28.377.792.893**	**26.850.556.533**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C.	**Nợ phải trả**	**300**		**6.052.117.667**	**5.069.387.232**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**5.958.040.453**	**4.287.454.063**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.840.945.413	1.747.333.765
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.609.267	32.235.646
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	89.216.862	258.438.735
4.	Phải trả người lao động	314		364.011.833	503.051.313
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	105.704.717
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	555.387.067	624.434.473
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19a	1.075.000.000	985.000.000
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.870.011	31.255.414
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**94.077.214**	**781.933.169**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19b	-	680.921.053
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		94.077.214	101.012.116
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**22.325.675.226**	**21.781.169.301**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**22.325.675.226**	**21.781.169.301**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	22.310.580.000	22.310.580.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.310.580.000	22.310.580.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	637.870.381	637.870.381
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	20	557.379.520	557.379.520
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	(1.180.154.675)	(1.724.660.600)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.724.660.600)	369.546.300
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		544.505.925	(2.094.206.900)
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**28.377.792.893**	**26.850.556.533**

Quyền Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Trần Thị Thu Hà	**Nguyễn Thị Thu Hằng**	**Hồ Thị Hà**

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	17.290.339.495	9.707.940.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	9.231.903	22.405.322
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		17.281.107.592	9.685.535.358
4. Giá vốn hàng bán	11	24	14.827.748.027	8.131.547.998
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	**20**		**2.453.359.565**	**1.553.987.360**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	35.401.272	89.192.831
7. Chi phí tài chính	22	26	20.119.106	781.305.237
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*19.727.822*	*775.617.345*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	
9. Chi phí bán hàng	25	27a	792.803.306	1.196.687.496
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	1.261.632.099	2.806.121.070
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**414.206.326**	**(3.140.933.612)**
			-	-
11. Thu nhập khác	31	28	167.097.247	131.317.577
12. Chi phí khác	32	29	2.339.568	418.093.730
13. Lợi nhuận khác	**40**		**164.757.679**	**(286.776.153)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**578.964.005**	**(3.427.709.765)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	41.392.982	13.155.853
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.934.902)	390.494.413
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**544.505.925**	**(3.831.360.031)**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		544.505.925	(3.831.360.031)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	244	(1.717)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		244	(1.717)

Quyền Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Trần Thị Thu Hà	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	01	**578.964.005**	**(3.427.709.765)**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**		-	
-	Khấu hao Tài sản cố định	02	609.253.884	653.586.665
-	Các khoản dự phòng	03	(21.530.912)	1.577.585.940
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(99.037.635)	(27.589.821)
-	Chi phí lãi vay	06	19.727.822	775.617.345
3.	**Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**1.087.377.164**	**(448.509.636)**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(103.346.650)	143.053.630
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.449.328.242)	(2.544.817.226)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.569.581.402	975.137.525
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(95.280.561)	518.323.555
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(23.187.065)	(206.320.541)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.543.348)	(85.743.970)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.114.597	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.500.000)	(70.900.000)
	Lưu chuyên tiên thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(41.112.703)**	**(1.719.776.663)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(290.700.000)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	63.636.363	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(156.975.000)	(20.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	269.432.000	229.276.520
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.401.272	80.250.336
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**211.494.635**	**(1.173.144)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	1.393.200.000	3.123.866.443
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.984.121.053)	(1.212.516.647)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(590.921.053)**	**1.911.349.796**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(420.539.121)**	**190.399.989**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.770.543.492	1.161.595.048
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**1.350.004.371**	**1.351.995.037**

Quyền Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Trần Thị Thu Hà	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục...; Giáo dục mầm non.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty và hai công ty con. Các công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: Ngày 10/07/2015, Công ty TNHH MTV Thương mại HBE (công ty con) đã giải thể theo thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh.

Các Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE

- Trụ sở chính: Đường Hoàng Hà, Thôn Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả gia khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).
- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty TNHH MTV Thương mại HBE

- Trụ sở chính: 58 Phan Đình Phùng, Tổ 6, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Môi giới; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Vốn điều lệ: 4.500.000.000 đồng, tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo qui định của Thông tư số 202/2014/TT–BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Loại trừ các giao dịch, số dư nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	10

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Tập đoàn hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Tập đoàn có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Tập đoàn hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, ...

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Không thuộc đối tượng chịu thuế;
- ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
- ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác...: Áp dụng mức thuế suất là 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

  Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen (thuộc Công ty TNHH một thành viên Giáo dục HBE) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế, do đó dự án được miễn thuế 4 năm (2009 – 2012) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2013 – 2017). Các ưu đãi trên được qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	208.901.156	50.935.989
Tiền gửi ngân hàng	1.141.103.215	1.719.607.503
Cộng	**1.350.004.371**	**1.770.543.492**

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Phát hành sách Hà Tĩnh	718.479.586	173.362.990
Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	551.044.763
Các đối tượng khác	1.951.181.126	2.288.915.487
Cộng	**3.220.705.475**	**3.013.323.240**

7. Trả trước cho người bán

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP XNK Bình Tây	11.591.864	-
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	-	94.634.642
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Cường Anh	25.000.000	-
Công ty TNHH Thanh Ngọc Thủy	17.146.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển trường PTCN Giáo dục	-	10.985.300
Các đối tượng khác	67.500	-
Cộng	**53.805.614**	**105.619.942**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) (*)	1.046.611.006	960.161.006
Cộng	**1.046.611.006**	**960.161.006**

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Tập đoàn không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Theo đó, Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ này đến thời điểm 30/06/2015 là 979.096.006 đồng.

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Cho nhân viên vay (*)	531.195.500	730.102.500
Cộng	**531.195.500**	**730.102.500**

(*) Cho cán bộ công nhân viên vay theo các nội dung sau:

- Cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Tập đoàn và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Tập đoàn. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Tập đoàn và các cá nhân vay tiền sẽ có qui định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Tập đoàn. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2015, Tập đoàn và cán bộ công nhân viên đã ký lại hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.
- Khoản cho cán bộ công nhân viên vay mới trong kỳ, số tiền: 126.975.000 đồng theo các hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Công nghiệp HBE	63.644.371	(63.644.371)	63.644.371	(63.644.371)
Tạm ứng	103.461.500	-	55.045.600	-
Bùi Hải Lý	30.030.565	-	-	-
Các khoản phải thu khác	75.856.954	(36.776.555)	160.089.596	(23.289.935)
Cộng	**272.993.390**	**(100.420.926)**	**278.779.567**	**(86.934.306)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	1.976.825.996	2.025.338.125
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	28.935.000	-
Cộng	**2.005.760.996**	**2.025.338.125**

b. Nợ xấu

	30/06/2015		
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng			
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	72.344.008	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Nguyễn Văn B			
Cộng	**623.388.771**		

	31/12/2014		
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng			
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	72.344.008	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
Cộng	**623.388.771**		

11. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng hóa thiếu sau kiểm kê				
- Vở kẻ ngang	1.920 quyển	8.246.400	-	-
Cộng		**8.246.400**		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.005.034	-	25.256.209	-
Hàng hóa	4.932.617.060	(8.556.874)	2.474.037.643	(10.510.657)
Cộng	**4.948.622.094**	**(8.556.874)**	**2.499.293.852**	**(10.510.657)**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015 là 45.027.680 đồng. Hiện nay, Tập đoàn đang có kế hoạch bán giảm giá đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2015.
- Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tập đoàn hoàn nhập lại dự phòng giảm giá hàng tồn kho của những mặt hàng đã trích lập tại thời điểm 31/12/2014 do đã tiêu thụ được trong 6 tháng đầu năm 2015.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí bảo hiểm	4.287.500	24.543.067
Chi phí sửa chữa tài sản	30.788.501	37.150.916
Chi phí bảo trì phần mềm	4.833.333	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	18.542.142	43.569.988
Chi phí thuê đất 6 tháng cuối năm 2015	37.000.000	-
Chi phí khác chờ phân bổ	-	3.517.166
Cộng	**95.451.476**	**108.781.137**

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	502.594.631	359.952.967
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	184.201.277	186.411.692
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	158.236.081	208.185.584
Cộng	**845.031.989**	**754.550.243**

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m2 đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	19.659.127.528	2.364.955.000	68.827.500	22.092.910.028
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	219.120.000	33.827.500	252.947.500
Số cuối kỳ	**19.659.127.528**	**2.145.835.000**	**35.000.000**	**21.839.962.528**
Khấu hao				
Số đầu kỳ	3.110.927.381	1.176.239.174	17.206.877	4.304.373.432
Khấu hao trong kỳ	446.798.608	158.955.276	3.500.000	609.253.884
Thanh lý, nhượng bán	-	219.120.000	8.456.876	227.576.876
Số cuối kỳ	**3.557.725.989**	**1.116.074.450**	**12.250.001**	**4.686.050.440**
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	16.548.200.147	1.188.715.826	51.620.623	17.788.536.596
Số cuối kỳ	**16.101.401.539**	**1.029.760.550**	**22.749.999**	**17.153.912.088**

- ✓ Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- ✓ Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 241.120.000 đồng.
- ✓ Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối năm	**715.204.000**	**32.000.000**	**747.204.000**
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	**-**	**32.000.000**	**32.000.000**
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	715.204.000	-	715.204.000
Số cuối kỳ	**715.204.000**	**-**	**715.204.000**

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m2 tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 32.000.000 đồng.

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.270.952.205	425.624.702
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	14.279.188	242.074.570
Các đối tượng khác	1.555.714.020	1.079.634.493
Cộng	**3.840.945.413**	**1.747.333.765**

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	14 279 188	242.074.570
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	2 270 952 205	425.624.702
Cộng		**2.285.231.393**	**667.699.272**

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	143.293.887	41.048.592	177.081.209	7.261.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.543.348	41.392.982	27.543.348	41.392.982
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.882.904	7.607.994	274.910
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	87.601.500	48.430.200	95.744.000	40.287.700
Các loại thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
		-	-	
Cộng	**258.438.735**	**143.254.678**	**312.476.551**	**89.216.862**

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế TNDN	46.120.445	-	-	46.120.445
		-	-	
Cộng	**46.120.445**	**-**	**-**	**46.120.445**

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Tài sản thừa chờ xử lý	16.860.853	1.002.276
Kinh phí công đoàn	105.836.070	113.428.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	65.839.645	14.397.543
Các khoản phải trả, phải nộp khác	366.850.499	495.605.781
Cộng	**555.387.067**	**624.434.473**

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	1.093.200.000	1.093.200.000	-
Vay ngắn hạn (cá nhân) (*)	405.000.000	300.000.000	180.000.000	525.000.000
Sở Tài chính (**)	550.000.000	-	-	550.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.000.000	-	30.000.000	-
		-	-	
Cộng	**985.000.000**	**1.393.200.000**	**1.303.200.000**	**1.075.000.000**

(*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn tại công ty mẹ, Theo đó: đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(**)Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Sách - TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

b. Dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn - NH ACB Hà Tĩnh	680.921.053	-	680.921.053	-
		-	-	
Cộng	680.921.053	-	680.921.053	-

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**548.791.877**	**413.538.345**
Tăng trong năm	-	-	8.587.643	(2.094.206.900)
Giảm trong năm	-	-	-	43.992.045
Số dư tại 31/12/2014	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**557.379.520**	**(1.724.660.600)**
Số dư tại 01/01/2015	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**557.379.520**	**(1.724.660.600)**
Tăng trong kỳ	-	-	-	544.505.925
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	**22.310.580.000**	**637.870.381**	**557.379.520**	**(1.180.154.675)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.149.230.000	11.149.230.000
Các cổ đông khác	11.161.350.000	11.161.350.000
Cộng	**22.310.580.000**	**22.310.580.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. C phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.231.058	2.231.058
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	*2.231.058*	*2.231.058*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	*2.231.058*	*2.231.058*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(1.724.660.600)	413.538.345
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	544.505.925	(2.094.206.900)
Phân phối lợi nhuận	-	43.992.045
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	*8.587.643*
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	*35.404.402*
Cộng	**(1.180.154.675)**	**(1.724.660.600)**

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Trường tiểu học Bắc thị trấn Kỳ Anh	6.503.952	Nợ không thu hồi được
Phòng Giáo dục Cẩm Xuyên (Anh Chí)	9.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà	10.100.000	Nợ không thu hồi được
Nợ khó đòi đã xử lý khác	37.799.917	Nợ không thu hồi được
Cộng	**63.653.869**	

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	10.333.940.980	1.414.228.252
Doanh thu văn phòng phẩm	1.215.299.923	2.416.759.321
Doanh thu thiết bị giáo dục	380.793.479	1.335.006.748
Doanh thu Trường mầm non	4.377.131.000	4.330.124.229
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	983.174.113	211.822.130
Cộng	**17.290.339.495**	**9.707.940.680**

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Hàng bán bị trả lại	9.231.903	22.405.322
Cộng	**9.231.903**	**22.405.322**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	9.451.983.355	1.164.733.076
Giá vốn văn phòng phẩm	873.326.229	1.996.670.162
Giá vốn thiết bị giáo dục	313.069.800	1.103.306.665
Giá vốn Trường mầm non	3.442.363.787	3.426.736.577
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	748.958.639	129.206.923
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.953.783)	310.894.595
Cộng	**14.827.748.027**	**8.131.547.998**

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.401.272	75.091.269
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	14.101.562
Cộng	**35.401.272**	**89.192.831**

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	19.727.822	203.671.438
Lãi vay của các năm trước phân bổ	-	571.945.907
Chi phí tài chính khác	391.284	5.687.892
Cộng	**20.119.106**	**781.305.237**

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	606.180.667	733.450.791
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC	131.094.522	26.056.865
Chi các khoản khác	55.528.117	437.179.840
		-
Cộng	**792.803.306**	**1.196.687.496**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	640.384.235	641.468.588
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC	120.799.657	148.078.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.763.673	50.796.108
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(19.577.129)	1.377.052.554
Chi các khoản khác	424.261.663	588.725.747
		-
Cộng	**1.261.632.099**	**2.806.121.070**

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	63.636.363	-
Phạt vi phạm hợp đồng lao động	24.000.000	-
Bán thanh lý giá kệ	38.390.909	-
Khuyến mãi được hưởng	-	124.091.338
Các khoản thu nhập khác	41.069.975	7.226.239
	-	
Cộng	**167.097.247**	**131.317.577**

29. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thanh lý hàng hóa kém phẩm chất	-	369.977.856
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	47.501.448
Các khoản chi phí khác	2.339.568	614.426
Cộng	**2.339.568**	**418.093.730**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	578.964.005	(3.427.709.765)
Điều chỉnh các khoản để xác định TN chịu thuế	(17.954.540)	(1.169.326.203)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	11.631.367	629.843.613
- Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	*391.284*	*1.802.490*
- Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	*603.845.908*
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	*24.195.215*
- Lỗ tại công ty con	*11.240.083*	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	29.585.907	1.799.169.816
- Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	*11.240.083*	*1.799.169.816*
- Chuyển lỗ các năm trước	*18.345.824*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	561.009.465	(4.597.035.968)
- Thu nhập từ hoạt động giáo dục	*472.059.406*	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	*88.950.059*	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.995.952	26.311.706
- Thuế TNDN từ hoạt động giáo dục	*47.205.941*	-
- Thuế TNDN từ hoạt động khác	*17.790.011*	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	23.602.970	13.155.853
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**41.392.982**	**13.155.853**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	41.392.982	13.155.853
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	544.505.925	(3.831.360.031)
Các khoản đc tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận/Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	544.505.925	(3.831.360.031)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**244**	**(1.717)**

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.276.391.917	887.309.476
Chi phí nhân công	2.695.533.338	2.679.717.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.253.884	653.586.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.540.844	682.522.715
Chi phí khác bằng tiền	371.656.338	637.908.374
Cộng	**5.516.376.321**	**5.541.044.860**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kì cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Tập đoàn ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Đối với lĩnh vực thương mại, Tập đoàn mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Tập đoàn có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Tập đoàn hầu như không chịu rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có một số khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tồn đọng nhiều năm không phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Tập đoàn có rủi ro tín dung. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Tập đoàn theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều được thu tiền ngay.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.840.945.413	-	3.840.945.413
Vay và nợ thuê tài chính	1.075.000.000	-	1.075.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	366.850.499	-	366.850.499
Cộng	**5.282.795.912**	**-**	**5.282.795.912**

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.747.333.765	-	1.747.333.765
Vay và nợ thuê tài chính	985.000.000	680.921.053	1.665.921.053
Chi phí phải trả	105.704.717	-	105.704.717
Phải trả khác	495.605.781	-	495.605.781
Cộng	**3.333.644.263**	**680.921.053**	**4.014.565.316**

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn ở mức chấp nhận được và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.350.004.371	-	1.350.004.371
Phải thu khách hàng	2.294.461.409	-	2.294.461.409
Phải thu về cho vay	67.515.002	531.195.500	598.710.502
Phải thu khác	69.110.964	-	69.110.964
Cộng	**3.781.091.746**	**531.195.500**	**4.312.287.246**

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.770.543.492	-	1.770.543.492
Phải thu khách hàng	2.035.080.427	-	2.035.080.427
Phải thu về cho vay	-	730.102.500	730.102.500
Phải thu khác	136.799.661	-	136.799.661
Cộng	**3.942.423.580**	**730.102.500**	**4.672.526.080**

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Tập đoàn cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Tập đoàn, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Tập đoàn phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Tập đoàn đang kinh doanh. Do đó, Tập đoàn trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

doanh.

6 tháng đầu năm 2015 CHỈ TIÊU	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
Doanh thu bộ phận	4.373.502.000	12.907.605.592	17.281.107.592
Giá vốn hàng bán	3.442.363.787	11.385.384.240	14.827.748.027
Chi phí bán hàng	850.000	791.953.306	792.803.306
Chi phí quản lý doanh nghiệp	458.228.807	803.403.292	1.261.632.099
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	**472.059.406**	**(73.135.246)**	**398.924.160**
Doanh thu hoạt động tài chính	9.915.004	25.486.268	35.401.272
Chi phí hoạt động tài chính	12.661.033	7.458.073	20.119.106
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	**(2.746.029)**	**18.028.195**	**15.282.166**
Thu nhập khác	78.629.088	88.468.159	167.097.247
Chi phí khác	-	2.339.568	2.339.568
Lãi (lỗ) hoạt động khác	**78.629.088**	**86.128.591**	**164.757.679**
Lợi nhuận trước thuế	547.942.465	31.021.540	578.964.005
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.392.982	-	41.392.982
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(6.934.902)	(6.934.902)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**506.549.483**	**37.956.442**	**544.505.925**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 CHỈ TIÊU	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng VND
- Tài sản ngắn hạn	290.142.236	8.798.807.980	9.088.950.216
- Tài sản dài hạn	13.809.838.131	5.479.004.546	19.288.842.677
Tổng tài sản	**14.099.980.367**	**14.277.812.526**	**28.377.792.893**
- Nợ ngắn hạn	1.015.673.357	4.942.367.096	5.958.040.453
- Nợ dài hạn	-	94.077.214	94.077.214
Tổng nợ	**1.015.673.357**	**5.036.444.310**	**6.052.117.667**
Khấu hao trong kỳ	436.782.960	172.470.924	609.253.884
Tài sản cố định tăng trong kỳ	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6 tháng đầu năm 2014	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
Doanh thu bộ phận	4.330.124.229	5.355.411.129	9.685.535.358
Giá vốn hàng bán	3.426.736.577	4.704.811.421	8.131.547.998
Chi phí bán hàng	134.057.952	1.062.629.544	1.196.687.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	383.310.268	2.422.810.802	2.806.121.070
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	**386.019.432**	**(2.834.840.638)**	**(2.448.821.206)**
Doanh thu hoạt động tài chính	24.625.841	64.566.990	89.192.831
Chi phí hoạt động tài chính	724.449.639	56.855.598	781.305.237
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	**(699.823.798)**	**7.711.392**	**(692.112.406)**
Thu nhập khác	5.125.989	126.191.588	131.317.577
Chi phí khác	500.000	417.593.730	418.093.730
Lãi (lỗ) hoạt động khác	**4.625.989**	**(291.402.142)**	**(286.776.153)**
Lợi nhuận trước thuế	(309.178.377)	(3.118.531.388)	(3.427.709.765)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.155.853	-	13.155.853
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	390.494.413	390.494.413
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**(322.334.230)**	**(3.509.025.801)**	**(3.831.360.031)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
- Tài sản ngắn hạn	637.728.503	6.224.434.691	6.862.163.194
- Tài sản dài hạn	14.331.629.744	5.656.763.595	19.988.393.339
Tổng tài sản	**14.969.358.247**	**11.881.198.286**	**26.850.556.533**
- Nợ ngắn hạn	1.204.236.614	3.083.217.449	4.287.454.063
- Nợ dài hạn	680.921.053	101.012.116	781.933.169
Tổng nợ	**1.885.157.667**	**3.184.229.565**	**5.069.387.232**
Khấu hao trong kỳ	925.890.120	360.837.544	1.286.727.664
Tài sản cố định tăng trong kỳ	290.700.000	-	290.700.000

35. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên có liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	6.857.479.188	1.175.104.206
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	4.118.133.005	1.222.925.890

c. Thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban Tổng Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	181.639.000	98.268.339
- Tổng Giám đốc	*71.484.000*	*49.217.339*
- Phó Tổng Giám đốc	*110.155.000*	*49.051.000*
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với qui định về lập báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Quyền Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Trần Thị Thu Hà	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2015